

Số: 70/2025/QĐST-DS

Đ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 613, 614, 615, 616, 617, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, Miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 240/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số 9B đường N, xã Đ, tỉnh L.

- **Bị đơn:**

+ Ông **Huỳnh Tấn T**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 94 T, xã T, tỉnh L.

+ Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1959 (chết ngày 14/4/2025).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Những người thừa kế về tài sản của bà Nguyễn Thị D):**

+ Ông **Huỳnh Tấn T**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 94 T, xã T, tỉnh L.

+ Bà **Huỳnh Thị Huyền C**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh L.

+ Bà **Huỳnh Dịu Anh T**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh L.

+ Bà **Huỳnh Nguyễn Diệu M**, sinh năm 2005. Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh L.

+ Ông **Huỳnh Nguyễn Quốc B**, sinh năm 2001. Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh L.

+ Bà **Giao Thị C**, sinh năm 1932. Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh L.

Bà Giao Thị C, bà Huỳnh Thị Huyền C, ông Huỳnh Nguyễn Quốc B, bà Huỳnh Diệu Anh T, bà Huỳnh Nguyễn Diệu My uỷ quyền cho ông Huỳnh Tấn T tham gia tố tụng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Huỳnh Tấn T đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Ngọc H số tiền 350.000.000 đồng nợ gốc và 21.000.000 đồng tiền lãi suất. Tổng cộng số tiền phải trả là 371.000.000 đồng.

- Những người thừa kế về tài sản của bà Nguyễn Thị D gồm: Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm 1984 (con trai ruột của bà D); bà Huỳnh Thị Huyền C, sinh năm 1991 (con gái ruột của bà D); bà Giao Thị C, sinh năm 1932 (mẹ ruột của bà D); ông Huỳnh Nguyễn Quốc B, sinh năm 2001; bà Huỳnh Diệu Anh T, sinh năm 1996; bà Huỳnh Nguyễn Diệu M, sinh năm 2005 (cháu của bà D – do ông Tiến và bà Chi đã chết trước bà D; cháu B, cháu M là con ruột của ông T, cháu T là con ruột của bà C) cùng đồng ý thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại, đồng ý liên đới trả cho bà Trần Thị Ngọc H số tiền 350.000.000 đồng nợ gốc và 21.000.000 đồng tiền lãi suất. Tổng cộng số tiền phải trả là 371.000.000 đồng trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị D để lại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

- Ông Huỳnh Tấn T nhận nộp án phí dân sự sơ thẩm là 9.275.000 đồng theo quy định của pháp luật. Do nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, do vậy không phải hoàn trả án phí cho bà H.

- Đối với phần án phí về nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị D, những người thừa kế về tài sản của bà Nguyễn Thị D đều có đề nghị xin miễn án phí dân sự sơ thẩm vì bà Nguyễn Thị D sinh năm 1959, (đã chết vào 14/4/2025) thuộc diện được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy, miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần án phí về nghĩa vụ trả nợ của bà D.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7,

Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSNDKV2 -L;
- Phòng THADSKV2-L;
- Đường sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Thanh Hương